

Bản nháp thứ nhất

Thông tin, ngôn ngữ, chuẩn và định chế xã hội

Ngô Thanh Nhân
New York University

Tóm tắt:

Sau cách mạng thông tin, ngày nay các định chế từ phong tục, tập quán, tôn giáo, chính trị, dân tộc đã bắt đầu bị quảng cáo, phim ảnh, v.v. thay đổi. Các quan niệm chân, thiện, mỹ của con người trên toàn cầu cũng thay đổi theo. Những tiến bộ về khoa học, nhất là xã hội học và sinh học, đã cho ta hiểu thêm tính xã hội của các sinh vật hữu cơ. Sinh vật nói chung hoạt động tự lập và tự kỷ nhưng tự nó mang tính xã hội cao dù không có điều khiển tập trung. Sinh vật tốn năng lượng rất cao trong việc thu thập và truyền bá thông tin so với năng lượng để bảo trì và phát triển cơ thể. Nếu tiến hoá là dưỡng chất và thông tin và thích ứng (và chống cự) biến thành gien, thì sinh vật tham gia xã hội, cộng đồng để sinh vật sinh tồn và phát triển. Các nhận xét này cho chúng ta một cái nhìn động về định chế và thể chế theo bước phát triển của thông tin nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản nhất của con người. Khẩu hiệu “đủ ăn, đủ mặc” hàm ý đủ thông tin.

Khái niệm định chế khó có thể nói xuất phát từ yêu cầu nào, của ai, vì ai và do ai trong xã hội và sẽ đi về đâu. Một số quan sát về phong tục, tập quán, luật, lệ, lễ nghi, thuần phong mỹ tục, tam cương ngũ thường, tam tông tứ đức, v.v. cho người ta cái cảm tưởng là những định chế có tính áp đặt dưới danh nghĩa truyền thống và dân tộc tính mà một cá nhân trong tập thể phải theo. Những câu hỏi đã được đặt ra một cách gay gắt: định chế có phải là hoàn toàn bất kỳ, là hoàn toàn ngẫu phát? Định chế có phải chỉ gồm có các công ước hay các đặt để nhân tạo? Định chế có phải là cái nối dài của một trật tự tự nhiên và do đó có tính phổ quát? Tôi sẽ không trả lời những câu hỏi này mà chỉ xem xét vai trò của thông tin như là một nhu cầu sinh tồn và quan hệ của nó với định chế xã hội.

Như chúng ta biết, các công cụ truyền thông đại chúng trong thế kỷ thứ 20 như phim ảnh, radio, tivi, điện thoại, máy vi tính và internet đang xông vào các ngõ ngách khắp mọi nơi trên thế giới. Ở đây tôi xin đưa một ví dụ về quảng cáo: cho đến đầu thế kỷ, quan niệm về mẫu người đẹp là một người đầy đặn, ngày nay, mẫu người đẹp là những người ốm đến mức như thiếu ăn. Người ta quan sát (như Michael Moore trong một chương trình của *TV Nation*) tại một số vùng trời nước miền Nam Mỹ, từ khi mỹ phẩm Calvin Klein đến bằng thuyền con, đại lý trên một nhà sàn đã bán cho phụ nữ địa phương mỗi gói mỹ phẩm trên 35 đôla, tiền lương trọn năm của gia đình. Những phụ nữ được phỏng vấn đều nghĩ sau khi dùng mỹ phẩm một thời gian sẽ trông thon thả và đẹp như những cô trên hình quảng cáo. Có những vùng đảo Thái Bình Dương, ngày nay các

cô gái đã bắt đầu kén ăn và mang bệnh thiếu dinh dưỡng vì muốn có được một thân hình như người mẫu ở New York. Từ Paris đến Hồng Kông, Nhật Bản, New Dehli ngày nay người ta có thể có môi tím, tóc vàng, mắt xanh như nhau. Khi người ta nghĩ ốm thì đẹp, quan niệm đẹp theo tôi đã trở thành một định chế, dần dần thay thế cho cái đẹp mà các định chế văn hoá muốn bảo vệ và phát huy.

Trong bài này, tôi không nói đến những vấn đề nóng bỏng về nội dung và cơ sở của định chế và lịch sử tiến hoá của nó. Tôi coi thể chế là định chế dựa trên cơ bản pháp luật của hiến pháp (*constitution* hoặc *charter*) một nước hay một nhóm các nước hay các hội. Tôi xin trình bày một số quan sát về sinh học, ngôn ngữ học, chuẩn thông tin, và tác động của chúng lên hai ý niệm định chế và thể chế.

Một số quan sát sinh học

Trong đời sống hàng ngày, một người mất 60% năng lượng vào việc trao đổi qua ngôn ngữ, chưa kể vào những hoạt động khác có tính cách nhận và chuyển tin. Ta có thể nói không có thông tin, sinh vật không thể sống còn.

Karl Marx đã manh nha một quan niệm xã hội là một “sinh vật” gồm tập thể con người sinh hoạt theo những quy luật. Câu hỏi của chúng ta là những quy luật này có thể đi ngược nguyên lý sinh học của các tế bào hay không. Dựa vào quan sát một đàn kiến nối nhau thành một chiếc cầu sang hai nhánh cây cách nhau, hay cùng khênh một hạt cơm, một khoa học gia, bà Melanie Mitchell thuộc Santa Fe Institute ở New Mexico, Mỹ, đặt câu hỏi: từ những sinh vật độc lập nhau do đâu mà chúng có khả năng hoạt động y như một khối có điều khiển tập trung. Theo National Geographic, tháng 7 năm 1999, có bản tin ngắn của John L. Eliot như sau:

“Kiến Ác-giã-tin đang có mặt khắp nơi trên thế giới. Ở Nam Mỹ, các tổ kiến thường tấn công nhau. Nhưng khi chúng xâm chiếm vùng đất mới, chúng đổi khác. Ở California, chúng hành hung và trục xuất các loài kiến khác, [...], nhưng các tổ kiến của chúng hiếm khi đụng độ nhau, như David Holway và các đồng nghiệp tại Đại học bang California khôn viên San Diego nhận xét. Bởi vì chúng không đánh nhau, mà chúng tăng số lượng và liên kết thành các tổ hợp tác cấp cao (*cooperative supercolonies*).”

Theo dõi một đơn bào *cellular slime mold* khi thức ăn cạn, nó bị lo âu và phát ra những tín hiệu. Những tín hiệu này các đơn bào cùng loại bắt được và phóng tiếp. Chúng tự động hợp lại nhau thành nhánh, từ đầu nhánh sinh ra các nang. Những nang ấy rụng để đến khi có nhiều thức ăn, nở ra và tiếp tục cuộc đời của các đơn bào mới. Câu hỏi đặt ra là, do đâu mà các đơn bào có khả năng xã hội này, nếu không phải là bẩm sinh, nghĩa là có sẵn trong *gien* ?

Ta có thể coi cơ thể người ta là một tập thể những tế bào đã được chế tạo theo một mẫu *gien*. Chúng có nhiều loại và có nhiều trách nhiệm khác nhau, nhưng phối hợp hoạt động liên hợp tạo thành một phản ứng. Các tế bào tay tiếp nhận thông tin và phản ứng giống như các tế bào bên cạnh. Đường truyền thần kinh từ các hệ tế bào giác quan và não bộ trong động vật không nhanh, nhưng phản ứng của tế bào tại chỗ khá nhanh.

Thế giới tự nhiên xung quanh ta rõ ràng có những trật tự. Những trật tự hết sức tự nhiên, rõ ràng và không chối cãi được này vượt quá mọi hiểu biết của con người, đã gây cho con người một nỗi băn khoăn, kinh hãi và ngưỡng mộ đến mức họ cần định chế tôn giáo.

Về mặt thông tin, ngôn ngữ, chữ viết và kinh nghiệm chuẩn hoá thông tin cho ta một ví dụ về quan hệ giữa định chế và khả năng bẩm sinh của con người.

Ngôn ngữ là bẩm sinh

Trước hết, ngôn ngữ có các tính chất cơ bản như sau:

1. Ngôn ngữ gồm có nhiều câu phát ra nối đuôi nhau theo đường thẳng, câu trước câu sau. Mỗi câu gồm nhiều tiếng nối đuôi nhau theo đường thẳng, tiếng trước tiếng sau.

Nói —————→ “bóng” → “đá” → “tôi” —————→ Nghe

2. Tiếng đi trước giới hạn loại tiếng đi sau. Ví dụ như sau khi bắt đầu nói “tôi” ta đoán ngay các tiếng theo sau lập thành vị ngữ như “là người”, “vui”, “đi chợ”, “luyện”, v.v.
3. Các tiếng đứng gần nhau hợp thành từng nhóm có thứ tự nội tại, ví dụ, nhóm chủ ngữ (*subject*), nhóm vị ngữ (*predicate*), nhóm vị ngữ gồm có nhóm động từ và nhóm túc từ. Nhóm túc từ và nhóm chủ ngữ thường gồm các nhóm danh từ, v.v.
4. Nghĩa của câu hoàn toàn khác nghĩa của từng từ hợp lại. Ví dụ, “tôi đá bóng” gồm có một nghĩa của chữ “tôi”, một nghĩa của chữ “đá” và một nghĩa của chữ “bóng”.

<i>tôi</i>	<i>đá</i>	<i>bóng</i>
↑	↑	↑
đại từ	động từ	túc từ

Chữ “tôi” là đại từ ngôi thứ nhất thay vì “tôi” là động từ, như *tôi luyện*, *tôi vui*, v.v. Chữ “đá” chỉ có nghĩa động từ vung chân vào một vật gì, mà không có nghĩa danh từ “đá” là hòn đá, hay “đá” là nước đóng băng. Chữ “bóng” chỉ có nghĩa một đồ chơi hình tròn, hiếm khi có nghĩa là vùng tối sau một vật bị ánh sáng chiếu vào, v.v.

Tập hợp “tôi đá bóng” ngoài việc giảm [giới hạn] nghĩa của từng chữ, còn mang nghĩa chức năng: “tôi” người làm ra một hành động bằng chân đập vào (“đá”) một vật tròn bằng da (“bóng”), v.v. khác với từng chữ nhập lại dù theo thứ tự hay không theo thứ tự đó.

Với trật tự khác, nghĩa cũng khác đi một ít, ví dụ, **tôi bóng đá*, *bóng đá tôi*, *bóng tôi đá*, **đá tôi bóng*, và ?*đá bóng tôi* [đấu * chỉ câu không có nghĩa, dấu ? chỉ câu khó xác định nghĩa].

5. Khi ta nói “tôi đá” với tiết tấu của câu, nghĩa của chữ “đá” cũng thay đổi một phần. Khi ta nói “tôi đá...” với tiết tấu chưa đủ câu, ta chờ nghe túc từ, là một danh từ, hay một trạng từ. Như thế, tiết tấu của câu báo cho người nghe phải chú ý và chờ nghe những tiếng sắp tới. Ví dụ, “tôi đá bóng” là câu hỏi có tiết tấu khác với câu xác định. Trong chữ viết, người ta dùng dấu hỏi “?” để chỉ câu là câu hỏi, dấu “.” chỉ câu xác định, v.v.
6. Số câu và chữ ta nghe được trong đời là giới hạn. Số câu ta nói được là vô hạn. Người nói chuyển “ý” của mình đến cho người nghe. Các tiếng hợp lại thành nhóm theo một trật tự nào đó, nhóm tiếng hợp lại thành câu theo một trật tự nhất định. Tập hợp và trật tự đó ta gọi là ngữ pháp. Ngữ pháp như thế gồm những một kho giới hạn của tiếng (ta gọi là từ vị), một kho

nhỏ hơn có giới hạn của nhóm (mà ta gọi là ngữ pháp của nhóm từ), và một kho giới hạn hơn của câu (mà ta gọi là ngữ pháp của câu, trong đó có cả tiết tấu của câu). Ta nói tập hợp của ba nhóm này có khả năng phát sinh vô hạn câu.

7. Chữ hợp nhau thành từ (*word*), như các chữ *người, thợ, sửa, xe, đạp, mua, một, bó, hoa, hồng* hợp thành các từ như *người, thợ, sửa, xe-đạp, mua, một, bó, hoa-hồng* [gạch nối ở đây để chỉ hai chữ hợp lại thành một từ khác nghĩa hai chữ nhập lại, như *xe đạp* (bicycle), và *hoa hồng* (rose). Trong chữ viết tiếng Việt, ta không cần có gạch nối]. Từ hợp nhau thành cụm từ (*phrase*), như *người thợ sửa xe đạp, mua, một bó hoa hồng*. Cụm từ hợp nhau thành câu (*sentence*), như:

Cụm chủ (*subject*): người thợ sửa xe đạp, the bicycle repairman

Cụm vị (*predicate*): mua một bó hoa hồng, buys a bundle of roses

Biến thành

[CÂU [CHỦ: người thợ sửa xe đạp] [VỊ: [ĐỘNG: mua] [TÚC: một bó hoa hồng]]]

[CÂU [CHỦ: the bicycle repairman] [VỊ: [ĐỘNG: buys] [TÚC: a bundle of roses]]]

Một lý thuyết mô hình tổ chức của câu là hình cây — để biểu thị một loại mô hình tổ chức hàng dọc. Một số phân tích câu tự động bằng máy tính đã theo lý thuyết này.

CÂU

	CHỦ	VỊ	
số ít		ĐỘNG	TÚC
	người thợ sửa xe đạp	mua	một bó hoa hồng
	the bicycle repairman	buys	a bundle of roses
	les belles filles	ont été	heureuses

Tuy nhiên, cấu trúc hàng dọc top-down giải thích sự quan hệ về số giữa cụm chủ ngữ (repairman — số ít) và động từ (buys — số ít, thì hiện tại) ngay sau đó không tự nhiên. Thay vì động từ mang số ít (thêm —s) vì đứng ngay sau danh từ số ít (repairman) trong mô hình tuyến tính (hàng ngang), mô hình cây số ít — là thuộc tính của từ repairman — biến thành số ít của nốt Chủ, chuyển tin ấy lên nốt Câu, và chuyển xuống nốt Vị, sang nốt Động, và nhờ đó từ buy thêm —s chỉ số ít.

8. Có tác giả cho ngôn ngữ là bẩm sinh của con người. Ai cũng làm được. Tuy thế có người cho ngôn ngữ là một định chế, khi nó biến từ ngữ pháp (điều ta biết tự nhiên) thành văn phạm (tức là điều thầy ta dạy phải làm theo đúng). Có khi văn phạm không phải là ngữ pháp — do đó khi học văn phạm ai cũng sợ. Thường thì người ta truyền đạt ý nghĩ cho nhau đúng ngữ pháp mà không hề đúng văn phạm. Ngày nay, rõ ràng văn phạm không mô tả đúng và đầy đủ ngôn ngữ nên đã có nhiều nơi bỏ dạy văn phạm, và chuyển sang dạy ngữ pháp mới, vừa nhanh chóng, vừa hiệu quả hơn.

Ngôn ngữ là bẩm sinh. Ngôn ngữ của một dân tộc cũng bẩm sinh. Đến đây, ta có thể xem qua một ví dụ về phương pháp luận về chuẩn như là một định chế.

Chữ viết, chuẩn thông tin và định chế

Có thể nói định chế và chuẩn xuất hiện cùng lúc. Khổng Phu Tử với lễ và chính danh trong thuyết trung dung là một ví dụ. Càng nghĩ theo hướng định chế, người ta càng cần chuẩn. Chuẩn là một loại luật pháp mang danh nghĩa thuần kỹ thuật. Người ta thường nghĩ chuẩn computer, vì mang tính kỹ thuật cao, không nằm trong chính trị, nhưng thật sự chuẩn hết sức chính trị. Ví dụ, về mặt kỹ thuật, người ta than phiền máy computer 7-bit (chỉ chứa các con chữ cái của tiếng Anh) đã loại các tiếng nói khác trên thế giới ra khỏi vòng phát triển thông tin trong những năm 1950 và 1960. Kế đó, máy computer 8-bit chỉ đủ chứa các con chữ cái của tiếng Anh và các thứ tiếng Âu châu đã loại bỏ 90% nhân loại ra khỏi vòng phát triển của thông tin.

Chữ viết là một hình thức ghi lại ngôn ngữ. Chữ viết thường không ghi đủ các đặc tính của ngôn ngữ, ví dụ như tiết tấu và dấu nhấn mạnh của câu trong tiếng Anh. Chữ viết rõ ràng là một định chế. Ở đây, tôi chỉ nói riêng về chữ viết của tiếng Việt.

Trước khi viết sách giáo khoa, người ta phải lập chuẩn chữ cái tiếng Việt. Chuẩn chữ cái tiếng Việt có những đặc điểm sau đây:

1. Người tham gia thực hiện chuẩn đầu tiên về chữ viết đa số là nhà in. Alexandre de Rhodes khi sáng tác ra chữ quốc ngữ lúc ấy có lẽ suy nghĩ theo con chữ cái của Âu châu và tiếng Bồ đào nha. Những cụm con chữ *g-gh*, *ng-ngh*, *c-k-q* chỉ để biểu thị ba âm vị /g/, /ŋ/ và /k/ trong tiếng Việt vì bị ảnh hưởng chữ viết của Bồ đào nha. Những cụm chữ *ch*, *gi*, *kh*, *nh*, *ng*, *ph*, *th* và *tr* biểu thị những âm vị trong tiếng Việt, nhưng vì phải in bằng kỹ thuật sắp chữ Âu châu, nên phải viết thành nhiều con chữ. Đây cũng là khởi điểm của việc sử dụng chữ latin để viết tiếng Việt, bắt đầu quốc tế hoá chữ quốc ngữ với những mục tiêu không giống nhau.
2. Xác định đơn vị con chữ cái trong tiếng Việt có những vấn đề sau đây:
 - a. Có nhiều từ điển và tự điển tiếng Việt không thống nhất nhau về con chữ cái: Có một số hiểu chữ Nôm coi *t*, *h*, *r*, *th*, *tr*, mỗi nhóm là một đơn vị chính tả. Có từ điển không có đơn vị *th* và *tr* vì chúng có thể được hai con chữ *t* và *h*, hoặc *t* và *r* tạo thành. Ở đây, rõ ràng định chế chữ viết không hoàn toàn phản ánh ngôn ngữ. Thêm nữa, chữ viết có thể được thay đổi để phù hợp với tiến hoá của phương tiện thông tin nhằm mục tiêu đến gần ngôn ngữ nói. Ví dụ, sự thay đổi chữ viết ở Việt Nam đầu thế kỷ thứ 20 là một bước tiến. Trong khi sự thay đổi chữ viết ở Trung Quốc bằng chữ giản thể trong Cách mạng Văn hoá là một bước trì trệ xã hội.
 - b. Chữ viết tiếng Việt dùng hai loại dấu, dấu nguyên âm và dấu thanh. Dấu nguyên âm như dấu mũ, dấu trăng, dấu móc không phải là âm vị trong tiếng Việt. Các từ điển đều đồng nhất điểm này. Do đó, tiếng Việt có 11 nguyên âm, *a ă â e ê i o ô ơ u ư*, nhưng chữ viết tiếng Việt có thêm *y*. Các dấu nguyên âm quy ước nằm trên các nguyên âm chính. Các dấu thanh, ngược lại, là những âm vị độc lập, như thanh *ngang*, *huyền*, *sắc*, *nặng*, *hỏi*, *ngã*. Trước năm 1992, vị trí của dấu thanh là do nhà in quyết định. Sau năm 1992, dấu thanh mới có vị trí chuẩn trong chữ. Lý do phải có chuẩn này là để khi tìm chữ “*liêu*” trong một văn bản, ta không bỏ qua những chữ như *liêu*, *liêu* vì dấu ngã nằm trên nguyên âm *i* hoặc *u*, thay vì *ê*. Sự chọn lựa về kỹ thuật bỏ dấu là để phục vụ đầy đủ hơn yêu cầu thông tin trong văn bản.

- c. Rõ ràng sự chọn lựa biểu thị các âm vị bằng cụm con chữ, như *tr, th*, v.v., hoặc giữ đúng các âm vị như *ă, á, ê*, v.v. trong từ điển và chuẩn công nghệ thông tin cũng nhằm biểu hiện tiếng Việt trong hoàn cảnh kỹ thuật hiện tại. Trong quá khứ, với máy computer 7-bit và 8-bit, chuẩn tiếng Việt phải đặt dấu thanh là một bộ phận không tách rời được của nguyên âm. Nhưng khi kỹ thuật in ấn và truyền thông tiến bộ như hiện nay, việc tách rời dấu thanh thành một bộ phận độc lập với nguyên âm là tiến bộ và cần thiết.
- d. Nguyên lý trung tâm của việc lập chuẩn máy tính trong công nghệ thông tin là việc sử dụng các kỹ thuật mới nhất để thay đổi các định chế phục vụ thông tin trong tiếng Việt tiện lợi và gần tiếng nói nhất. Do đó khi viết chuẩn, người ta phải xem xét cách người Việt đánh vần, cách viết tay, cách lập từ láy, cách dùng vần trong thơ, v.v. để xác định gần nhất tổ chức nội tại của âm tiết khi làm định chế chữ viết.

Do đó, tuy ngôn ngữ (nói) về cơ bản không phải là định chế, và ngôn ngữ thay đổi luôn, chữ viết để ghi lại ngôn ngữ nói là định chế, và chuẩn chữ viết trong máy tính điện tử lại càng là một định chế quan trọng hơn vì tính quốc tế và khả năng phổ cập thông tin của nó. Tiến trình thiết lập và thay đổi chuẩn chữ viết phải có một thước đo độc lập với kỹ thuật: chuẩn chữ viết là phải biểu hiện đầy đủ ngôn ngữ nói.

Kết luận tạm thời

Theo tôi đòi hỏi bẩm sinh của con người là được sống sung sướng và hạnh phúc. Một trong những đòi hỏi lớn nhất của con người để sinh tồn và phát triển là có thông tin đầy đủ, hay ít ra cũng ngang với mọi người trên thế giới. Thông tin hàng dọc, như hệ thần kinh, không bao giờ nhanh, đủ, và hiệu quả. Thước đo giá trị của cơ cấu định chế và thể chế là khả năng thay đổi nhanh chóng để đáp ứng yêu cầu này của con người. Những tiêu chí để thay đổi cơ cấu định chế và thể chế đầu tiên nhất là phải không đi ngược lại yêu cầu sinh tồn của con người, nghĩa là phải tăng không ngừng lượng thông tin, nghĩa là thông tin hàng ngang.

(còn tiếp)